

Số **133** /TB-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày **26** tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy đợt 2 năm 2021 vào Trường Đại học Hồng Đức

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2021 của Bộ GD&ĐT về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2021;

Thực hiện Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên năm 2021 theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ cho Trường Đại học Hồng Đức; Thông báo số 42/TB-ĐHHĐ ngày 31/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2021 và kết quả họp HĐTS ngày 26/8/2021, Trường Đại học Hồng Đức thông báo mức điểm nhận ĐKXT đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy đợt 2 năm 2021, như sau:

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu	Mức điểm nhận ĐKXT				
				Sử dụng kết quả thi THPT			Sử dụng kết quả học THPT (Học bạ THPT)	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
1	7140209CLC	ĐH Sư phạm Toán học CLC	15	Ko xét	Ko xét	24,0	Ko xét	
2	7140211CLC	ĐH Sư phạm Vật lý CLC	15	Ko xét	Ko xét	24,0	Ko xét	
3	7140217CLC	ĐH Sư phạm Ngữ văn CLC	15	Ko xét	Ko xét	24,0	Ko xét	
4	7140218CLC	ĐH Sư phạm Lịch sử CLC	15	Ko xét	Ko xét	24,0	Ko xét	
5	7140209	ĐH Sư phạm Toán học	43	Ko xét	Ko xét	19,0	Ko xét	
6	7140211	ĐH Sư phạm Vật lý	26	18,0	18,5	19,0	24,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên.
7	7140212	ĐH Sư phạm Hóa học	29	18,0	18,5	19,0	24,0	
8	7140213	ĐH Sư phạm Sinh học	22	18,0	18,5	19,0	24,0	
9	7140217	ĐH Sư phạm Ngữ văn	33	Ko xét	Ko xét	19,0	Ko xét	
10	7140218	ĐH Sư phạm Lịch sử	5	Ko xét	Ko xét	19,0	Ko xét	
11	7140219	ĐH Sư phạm Địa lý	35	18,0	18,5	19,0	24,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên.
12	7140231	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	148	18,0	18,5	19,0	24,0	

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu	Mức điểm nhận ĐKXT				
				Sử dụng kết quả thi THPT			Sử dụng kết quả học THPT (Học bạ THPT)	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Điểm của các tổ hợp	Ghi chú
13	7140202	ĐH Giáo dục Tiểu học	330	Ko xét	Ko xét	19,0 12,67 (Tổ hợp M)	Ko xét	
14	7140201	ĐH Giáo dục Mầm non	234	Ko xét	Ko xét	12,67	Ko xét	
15	7140206	ĐH Giáo dục Thể chất	48	12,0	12,33	12,0	13,0 10,0	Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên. Đối với các thí sinh dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0).
17	7340301	ĐH Kế toán	180	14,0	15,0	15,0	16,5	
18	7340101	ĐH Quản trị kinh doanh	100	14,0	15,0	15,0	16,5	
19	7340201	ĐH Tài chính-Ngân hàng	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
20	7340302	ĐH Kiểm toán	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
21	7380101	ĐH Luật	50	14,0	15,0	15,0	16,5	
22	7580201	ĐH Kỹ thuật xây dựng	20	14,0	15,0	15,0	16,5	
23	7520201	ĐH Kỹ thuật điện	20	14,0	15,0	15,0	16,5	
24	7480201	ĐH Công nghệ thông tin	100	14,0	15,0	15,0	16,5	
25	7620109	ĐH Nông học	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
26	7620201	ĐH Lâm học	20	14,0	15,0	15,0	16,5	
27	7620105	ĐH Chăn nuôi	50	14,0	15,0	15,0	16,5	
28	7850103	ĐH Quản lý đất đai	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
29	7220201	ĐH Ngôn ngữ Anh	60	14,0	15,0	15,0	16,5	
30	7850101	ĐH QLTN và Môi trường	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
31	7310630	ĐH Việt Nam học	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
32	7810101	ĐH Du lịch	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
33	7310101	ĐH Kinh tế	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
34	7310401	ĐH Tâm lý	30	14,0	15,0	15,0	16,5	
35	51140201	CD Giáo dục Mầm non	50	Ko xét	Ko xét	11,33	Ko xét	

Ghi chú:

(1) **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:** Thí sinh trúng tuyển được thực hiện các chế độ theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

(2) **Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT** là tổng điểm 3 môn thi ở tất cả các tổ hợp (không nhân hệ số, không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống) và áp dụng cho thí sinh là học sinh phổ thông thuộc khu vực 3;

Mức chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (không phải hai lăm điểm) đối với thang điểm 10.

Đối với ngành đào tạo giáo viên chất lượng cao, tính theo tổng điểm 3 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đạt từ 24,0 trở lên ở tất cả các tổ hợp (không có môn nào dưới 5,0 điểm) và môn chủ chốt của ngành đào tạo đạt từ 8,0 điểm trở lên (môn Toán đối với SP Toán, môn Vật lý đối với SP Vật lý, môn Ngữ văn đối với SP Ngữ văn và môn Lịch sử đối với SP Lịch sử); Có học lực đạt loại Khá và hạnh kiểm đạt loại Tốt ở cả 3 năm học THPT.

Tổ hợp xét tuyển các ngành có môn thi năng khiếu phải đảm bảo điểm năng thi năng khiếu đạt từ 5,0 trở lên và:

+ Năm 2019: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,0 điểm; CĐ: 10,67 điểm);

+ Năm 2020: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,33 điểm; CĐ: 11,00 điểm);

+ Năm 2021: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 \geq ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12,67; CĐ: 11,33. Riêng đối với GDTC: 12,00).

(3) **Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả học tập THPT:** là tổng điểm trung bình của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) không tính điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng.

Các ngành có tổ hợp môn năng khiếu, mức điểm nhận ĐKXT là tổng điểm trung bình của 2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm thi năng khiếu đạt từ 5,0 trở lên.

(4) **Ưu tiên trong xét tuyển:** Trong trường hợp có 2 hoặc nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau (Điểm xét tuyển là tổng điểm bao gồm cả điểm ưu tiên ĐT và KV), thứ tự ưu tiên:

Ưu tiên 1: Thí sinh có tổng điểm 3 môn thi (Trừ 2 ngành GDMN và GDTC là tổng điểm 2 môn thi văn hóa) không bao gồm điểm KV, ĐT (nếu có) cao hơn;

Ưu tiên 2: Thí sinh có điểm môn thi tương ứng với ngành ĐKXT cao hơn, cụ thể: Toán (SP Toán); Lý (SP Lý); Hóa (SP Hóa); Sinh (SP Sinh); Ngữ văn (SP Ngữ văn); Địa (SP Địa); Lịch sử (SP Lịch sử); Tiếng Anh (SP Tiếng Anh); các ngành còn lại, môn Ngữ văn (đối với các tổ hợp có môn Ngữ văn hoặc có cả Ngữ văn và Toán), môn Toán (đối với các tổ hợp khác).

Chi tiết liên hệ: **Phòng QLĐT-Trường ĐH Hồng Đức, số 565 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, điện thoại: 02373.910.619.**

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để bc);

- Lưu: VT, QLĐT, HETS.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Văn Thi